

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BAO BÌ BIÊN HÒA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ 2 NĂM 2015**

## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo tài chính quý 2 năm 2015	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2015	1-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 2 năm 2015	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015	7-8
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2015	9-36
<u>Phụ lục 1</u> : Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2015	37

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>485,714,508,787</b>	<b>466,448,019,126</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>116,972,886,970</b>	<b>82,194,459,355</b>
1. Tiền	111		16,972,886,970	15,194,459,355
2. Các khoản tương đương tiền	112		100,000,000,000	67,000,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	(5.2)	<b>231,792,535,549</b>	<b>234,468,778,701</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		223,460,816,523	231,562,957,160
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6,158,446,000	895,708,393
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		2,752,424,883	2,148,170,788
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(579,151,857)	(138,057,640)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	(5.3)	<b>133,529,277,761</b>	<b>149,710,195,855</b>
1. Hàng tồn kho	141		133,529,277,761	149,710,195,855
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3,419,808,507</b>	<b>74,585,215</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3,419,808,507	74,585,215
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

(Phần tiếp theo ở trang 2)



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>188,180,241,611</b>	<b>202,937,223,035</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>177,367,769,492</b>	<b>153,459,007,821</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	121,153,369,179	133,270,141,494
+ Nguyên giá	222		367,754,264,856	367,585,594,856
+ Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(246,600,895,677)	(234,315,453,362)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	(5.5)	20,613,620,700	19,494,421,646
+ Nguyên giá	225		33,662,428,260	29,390,578,850
+ Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(13,048,807,560)	(9,896,157,204)
3. Tài sản cố định vô hình	227		34,970,635,087	
+ Nguyên giá	228		40,134,087,246	1,471,867,089
+ Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5,163,452,159)	(1,471,867,089)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
+ Nguyên giá	231			
+ Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>630,144,526</b>	<b>694,444,681</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		630,144,526	694,444,681
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4,000,000,000</b>	<b>4,000,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	(5.6)	4,000,000,000	4,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6,812,472,119</b>	<b>45,478,215,214</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.7)	1,104,100,394	37,121,145,696
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	(6.8)	3,429,795,725	6,161,099,518
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268	(5.8)	2,278,576,000	2,195,970,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>673,894,750,398</b>	<b>669,385,242,161</b>

(Phần tiếp theo ở trang 3)



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>387,634,267,412</b>	<b>397,921,393,556</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>348,640,647,054</b>	<b>342,007,734,177</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.10)	159,262,571,646	131,953,013,064
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(5.10)	13,082,494	4,695,804
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.11)	4,168,064,645	6,888,033,769
4. Phải trả người lao động	314	(5.12)	10,927,425,144	16,259,647,602
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.13)	14,176,662,284	13,043,558,507
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.14)	1,111,622,612	1,269,575,404
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		154,078,196,163	168,662,782,126
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.15)	4,903,022,066	3,926,427,901
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>38,993,620,358</b>	<b>55,913,659,379</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.16)	38,993,620,358	55,913,659,379
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

(Phần tiếp theo ở trang 3)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>286,260,482,986</b>	<b>271,463,848,605</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.17.1)	<b>286,260,482,986</b>	<b>271,463,848,605</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.17.2)	106,978,420,000	106,978,420,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(408,640,209)	(408,640,209)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		48,040,880,086	31,097,105,863
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			10,697,842,000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(5.17.6)	131,649,823,109	123,099,120,951
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		111,975,136,605	102,042,896,500
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19,674,686,504	21,056,224,451
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>673,894,750,398</b>	<b>669,385,242,161</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		735,123,035	735,123,035
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		64,600.26	66,561.80
+ EUR		300.00	949.84
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Đồng Nai, ngày 20 tháng 07 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÝ PHÁT

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN

NGUYỄN HOÀNG



GIAM ĐỐC

LÊ QUỐC TUYỀN

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		308,592,245,974	272,933,662,561	610,121,108,057	499,924,224,883
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		22,513,564	19,345,159	38,884,350	19,345,159
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	308,569,732,410	272,914,317,402	610,082,223,707	499,904,879,724
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	267,632,814,059	234,243,254,900	531,369,857,775	429,710,630,282
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40,936,918,351	38,671,062,502	78,712,365,932	70,194,249,442
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	1,368,380,985	1,037,645,302	2,016,058,938	1,904,681,199
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	2,982,248,678	3,371,035,003	5,720,747,008	6,483,255,676
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		2,602,945,963	2,826,609,385	5,139,457,833	5,815,712,847
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	14,083,839,898	14,373,519,976	28,847,081,517	26,386,121,344
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	5,315,822,454	3,820,120,563	8,824,307,800	6,879,402,346
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19,923,388,306	18,144,032,262	37,336,288,545	32,350,151,275
11. Thu nhập khác	31		697,041,238	417,634,092	1,436,565,365	2,106,721,665
12. Chi phí khác	32		522,931,095	223,872,984	672,765,326	464,783,733
13. Lợi nhuận khác	40		174,110,143	193,761,108	763,800,039	1,641,937,932
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20,097,498,449	18,337,793,370	38,100,088,584	33,992,089,207
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.7)	2,299,080,924	2,360,099,248	4,139,123,675	4,034,088,925
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(6.8)	1,469,463,332	931,893,242	2,731,303,793	1,920,653,466
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16,328,954,193	15,045,800,880	31,229,661,116	28,037,346,816
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	(5.17.5)	1,530	1,410	2,926	2,627
19. Lãi suy giảm trên cổ phần (*)	71					

NGƯỜI LẬP



LÝ PHÁT

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN



NGUYỄN HOÀNG 6

Đồng Nai, ngày 20 tháng 07 năm 2015



GIÁM ĐỐC

LÊ QUỐC TUYẾN



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		38,100,088,584	33,992,089,207
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		15,438,092,671	13,829,181,831
Các khoản dự phòng	03		441,094,217	49,843,846
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		157,861,395	378,248,330
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,975,213,322)	(1,902,762,017)
Chi phí lãi vay	06		5,139,457,833	5,815,712,847
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		57,301,381,378	52,162,314,044
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8,199,506,990	(4,332,264,467)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16,180,918,094	2,189,949,336
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		21,596,130,282	(7,289,641,381)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2,298,813,077)	1,243,403,504
Tiền lãi vay đã trả	13		(5,570,006,151)	(6,080,673,371)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5,494,349,282)	(3,233,136,885)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8,637,821,612)	(6,325,685,487)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>81,276,946,622</b>	<b>28,334,265,293</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6,300,584,740)	(313,386,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,975,213,322	1,902,762,017
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4,325,371,418)</b>	<b>1,589,376,017</b>

(Phần tiếp theo ở trang 8)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		294,778,057,806	221,630,522,975
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(323,087,301,488)	(249,364,079,239)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(3,193,229,989)	(947,589,842)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10,673,542,000)	(10,673,542,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(42,176,015,671)</b>	<b>(39,354,688,106)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>34,775,559,533</b>	<b>(9,431,046,796)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>82,194,459,355</b>	<b>73,767,750,198</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2,868,082	20,502,320
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>116,972,886,970</b>	<b>64,357,205,722</b>

Đồng Nai, ngày 20 tháng 07 năm 2015

NGƯỜI LẬP

LÝ PHÁT

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN

NGUYỄN HOÀNG

GIÁM ĐỐC



LÊ QUỐC TUYÊN



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 21 tháng 08 năm 2013.

Ngày 20 tháng 12 năm 2008, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số /2008/QĐ-TTGDCKHN ngày 20 tháng 12 năm 2008 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 05 tháng 03 năm 2012, Công ty chính thức chuyển niêm yết giao dịch chứng khoán sang Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 17/2012/QĐ-SGDHCM ngày 05 tháng 03 năm 2012 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 106.978.420.000 đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 bao gồm:

- Chi nhánh đặt tại Lô B\_6A\_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 46211000796 ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Bình Dương cấp.
- Văn phòng đại diện đặt tại Số 20 Lý Tự Trọng, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất kinh doanh bao bì giấy và giấy
- Bán buôn nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

#### 2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm 2015, Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.1 dưới đây.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1. Áp dụng chế độ kế toán mới

Từ năm 2015, Công ty đã lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Chế độ Kế toán Việt Nam sửa đổi bao gồm các hướng dẫn chi tiết cho việc thực hiện các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành.

Việc áp dụng Chế độ kế toán mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính năm tài chính này và các năm tài chính trước của Công ty. Tuy nhiên chế độ kế toán mới này dẫn đến việc trình bày báo cáo tài chính và các thuyết minh mới cho báo cáo tài chính năm 2015. Công ty đã thực hiện việc phân loại lại các số dư tại ngày 01/01/2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành.

### 4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### 4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## 4.5 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 4.6 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì phải xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

## 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bản cân đối kế toán và chủ yếu là chi phí bản quyền, bảo hiểm tài sản, bảo hộ lao động, chi phí thuê đất, chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 đến 02 năm kể từ thời điểm phát sinh vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ 01 năm;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ 2 năm.

## 4.8 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì phải xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Thời gian khấu hao
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm
+ Tài sản cố định khác	04 năm

## 4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## ***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

### **4.10 Thuê**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản nợ phải trả tương ứng cho người đi thuê được hạch toán như khoản nợ thuê tài chính phải trả. Khoản thanh toán tiền thuê được phân tách thành chi phí tài chính và khoản giảm trừ nợ thuê tài chính phải trả để đạt được tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả. Chi phí tài chính được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh trừ khi chúng liên quan tới các tài sản đủ tiêu chuẩn trong trường hợp chúng được vốn hóa theo chính sách kế toán chi phí lãi vay của Công ty.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Thời gian khấu hao ước tính cho nhóm tài sản đi thuê tài chính như sau:

	Thời gian khấu hao
+ Máy móc, thiết bị	05 năm

### **4.11 Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của [Tập đoàn]. Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền

### **4.12 Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## 4.13 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác.

- Các khoản đầu tư vào [công ty con] và [công ty liên kết] được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

### **Đối với các khoản đầu tư chứng khoán**

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

## 4.14 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

## 4.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

## 4.16 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Quỹ đầu tư phát triển được trích bằng 20% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích bằng 15% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## 4.17 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp, doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

## 4.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

## 4.19 Thuế

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp*
  - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN ưu đãi trong năm hiện hành là 15%.
  - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu

C.P. 15



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

+ Ưu đãi, miễn giảm thuế:

Theo Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 và Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài Chính, Trụ sở chính được miễn thuế 3 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2004) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo với thuế suất ưu đãi là 15% trong 12 năm.

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 đối với phần thu nhập từ dự án đầu tư tại Chi nhánh tại Lô B\_6A\_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương áp dụng thuế suất 22%.

- *Thuế giá trị gia tăng:* Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất là 10%.
- *Các loại thuế khác:* Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## 4.20 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn vào cổ phiếu chưa niêm yết.

### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### 4.22 Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này và phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do có sự thay đổi trong Chế độ kế toán doanh nghiệp

<u>Bảng cân đối kế toán (Trích)</u>	<b>Mã số</b>	<b>Đầu năm</b> (Phân loại lại)	<b>Đầu năm</b> (Đã được trình bày trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	136	2.148.170.788	1.860.345.388
Tài sản ngắn hạn khác	155	-	287.825.400
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	123.099.120.951
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		102.042.896.500	-
- LNST chưa phân phối kỳ này		21.056.224.451	-

(Phần tiếp theo ở trang 17)

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền mặt	52.238.283	48.819.350
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.920.648.687	15.415.640.005
- Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.972.886.970</b>	<b>15.194.459.355</b>

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a. Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
- Tổng giá trị trái phiếu	-	-	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-	-	-
- Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư / loại cổ phiếu, trái phiếu :	-	-	-	-	-	-
+ Về số lượng	-	-	-	-	-	-
+ Về giá trị	-	-	-	-	-	-

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị sổ sách	Giá gốc	Giá trị sổ sách
b1. Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
b2. Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-

(Phần tiếp theo ở trang 18)



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	4.000.000.000	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000

3. Phải thu của khách hàng	Cuối kỳ	Đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	223.460.816.523	231.562.957.160
<i>Công ty Unilever Việt Nam</i>	48.847.557.333	45.242.957.489
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	365.723.270	494.779.010
Tổng công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	365.723.270	494.779.010

4. Phải thu khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
- Phải thu người lao động	266.563.447	-	287.825.400	-
- Ký quỹ, ký cược	-	-	-	-
- Cho mượn	-	-	-	-
- Các khoản chi hộ	-	-	-	-
- Phải thu khác	2.485.861.436	-	1.860.345.388	-
b. Dài hạn				
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
- Phải thu người lao động	-	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược	2.278.576.000	-	2.195.970.000	-
- Cho mượn	-	-	-	-
- Các khoản chi hộ	-	-	-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Phải thu khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.031.000.883</b>	-	<b>4.344.140.788</b>	-

5. Tài sản thiếu chờ xử lý	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a. Tiền	-	-	-	-
b. Hàng tồn kho	-	-	-	-
c. Tài sản cố định	-	-	-	-
d. Tài sản khác	-	-	-	-

6. Nợ xấu	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Số lượng	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.664.375.545	1.620.455.045	353.737.020	309.816.520
- Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu				
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn				
<b>Cộng</b>	<b>1.664.375.545</b>	<b>1.620.455.045</b>	<b>353.737.020</b>	<b>309.816.520</b>

7. Hàng tồn kho	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-	-	16.502.873.905	-
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	118.932.801.729	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	547.312.955	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	4.514.113.118	-
- Thành phẩm	-	-	9.213.094.148	-
- Hàng hóa	-	-	-	-
- Hàng gửi bán	-	-	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>149.710.195.855</b>	-

(Phần tiếp theo ở trang 20)



## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

8. Tài sản dở dang dài hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	-	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang				
- Mua sắm	630.144.526		694.444.681	694.444.681
- Xây dựng cơ bản				
- Sửa chữa				
<b>Cộng</b>	<b>630.144.526</b>		<b>694.444.681</b>	<b>694.444.681</b>

(Phần tiếp theo ở trang 21)

648.  
GT  
HÀ  
BÌ  
IÒA  
00



## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	131.371.988.799	218.455.332.662	10.228.432.316	6.601.599.806	473.695.818	367.585.594.856
Mua trong kỳ	-	47.730.000	120.940.000	-	-	168.670.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>131.371.988.799</b>	<b>218.503.062.662</b>	<b>10.349.372.316</b>	<b>6.601.599.806</b>	<b>473.695.818</b>	<b>367.754.264.856</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	32.042.389.500	187.900.137.873	8.327.563.531	5.666.882.35	378.480.105	234.315.453.362
Khấu hao trong kỳ	2.755.681.130	8.505.200.394	336.067.512	633.131.297	55.361.982	12.285.442.315
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>34.798.070.630</b>	<b>196.405.338.267</b>	<b>8.663.631.043</b>	<b>6.300.013.650</b>	<b>433.842.087</b>	<b>246.600.895.677</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	99.784.144.754	30.555.194.789	1.900.868.785	934.717.453	95.215.713	133.270.141.494
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>97.028.463.624</b>	<b>22.097.724.394</b>	<b>1.685.741.273</b>	<b>301.586.156</b>	<b>39.853.731</b>	<b>121.153.369.179</b>

(Phần tiếp theo ở trang 22)

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## 10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tăng khác (*)	-	-	38.662.220.157	38.662.220.157
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	232.020.000	1.184.179.200	38.717.888.046	40.134.087.246
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
- Khấu hao trong năm	-	-	431.736.236	431.736.236
- Tăng khác (**)	-	-	3.259.848.836	3.259.848.836
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	232.020.000	1.184.179.200	3.747.252.959	5.163.452.159
<b>Giá trị còn lại</b>				
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	34.970.635.087	-

(\*) Là quyền sử dụng đất của nhà máy Mỹ Phước

(\*\*) Là khấu hao quyền sử dụng đất của nhà máy Mỹ Phước

## 11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	29.390.578.850
- Thuê tài chính trong kỳ	4.271.849.410
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-
- Tăng khác	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-
- Giảm khác	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>33.662.428.260</u></b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	9.896.157.204
- Khấu hao trong kỳ	3.152.650.356
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-
- Tăng khác	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-
- Giảm khác	-

## Số dư cuối kỳ

**13.048.807.560**

## Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	19.494.421.646
Tại ngày cuối kỳ	<b>20.613.620.700</b>

## 12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>a. Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>b. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</b>				
<b>Nguyên giá</b>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

<b>13. Chi phí trả trước</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Bản quyền phần mềm Kaspersky	37.829.550	-
- Chi phí sửa chữa máy	1.570.149.622	56.866.215
- Chi phí bảo hiểm tài sản	433.692.532	
- Chi phí bảo hộ lao động	654.801.211	
- Khác	723.335.592	17.719.000
<b>Cộng</b>	<b>3.419.808.507</b>	<b>74.585.215</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Chi phí thuê đất tại lô B_6_CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, TX Bến Cát, Bình Dương		35.402.371.320
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	199.926.997	649.966.095
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị	821.645.439	932.482.388
- Khác	82.527.958	136.325.893
<b>Cộng</b>	<b>1.104.100.394</b>	<b>37.121.145.696</b>
<b>14. Tài sản khác</b>		
a. Ngắn hạn		
b. Dài hạn	2.278.576.000	2.195.970.000
Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn cho khoản thuê tài chính (Máy móc thiết bị)		

(Phần tiếp theo ở trang 25)



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## 15. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	151.272.431.354	151.272.431.354	290.370.311.680	302.286.735.201	163.188.854.875	163.188.854.875
b. Vay dài hạn	22.132.790.387	22.132.790.387		20.802.717.600	42.935.507.987	42.935.507.987
c. Các khoản nợ thuê tài chính	19.666.594.780	19.666.594.780	4.407.746.126	3.193.229.989	18.452.078.643	18.452.078.643
Thời hạn	Quý 2 năm nay			Quý 2 năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-	-	-
-Trên 1 năm đến 5 năm	2.316.857.827	438.521.272	1.878.336.555	683.905.584	204.846.375	479.059.209
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-

(Phần tiếp theo ở trang 26)

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
- Vay	-	-	-	-
- Nợ thuê tài chính	-	-	-	-
- Lý do chưa thanh toán	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	-	-

## 16. Phải trả người bán

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	159.262.571.646	159.262.571.646	131.953.013.064	131.953.013.064
- Công ty giấy Chánh Dương	57.576.430.780	57.576.430.780	40.540.423.991	40.540.423.991
- Công ty giấy Hiang Seng	44.230.443.487	44.230.443.487	39.057.119.405	39.057.119.405
- Công ty giấy An Bình	26.762.116.590	26.762.116.590	23.705.727.650	23.705.727.650
- Khác	30.693.580.789	30.693.580.789	28.649.742.018	28.649.742.018
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c. Số hạn quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d. Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

## 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
<b>a. Phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng	2.455.131.400	11.847.303.774	13.029.153.627	1.273.281.547
- Thuế xuất nhập khẩu	-	1.209.614.128	1.209.614.128	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.654.306.531	4.139.123.675	5.494.349.282	2.299.080.924
- Thuế Thu nhập cá nhân	778.595.838	4.638.866.195	4.821.759.859	595.702.174
- Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.888.033.769</b>	<b>21.838.907.772</b>	<b>24.558.876.896</b>	<b>4.168.064.645</b>
<b>b. Phải thu</b>				
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## 18. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
a. Ngắn hạn		
- Chi phí vận chuyển	2.410.000.000	2.170.000.000
- Chi phí gia công	359.523.741	524.975.739
- Chi phí lãi vay	110.535.404	211.751.300
- Chi phí khác	2.674.511.484	1.514.739.813
b. Dài hạn		
- Chi phí thuê đất và phí quản lý	8.622.091.655	8.622.091.655
<b>Cộng</b>	<b>14.176.662.284</b>	<b>13.043.558.507</b>

## 19. Phải trả khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
a. Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	69.618.430	12.183.660
- BHXH, BHYT và BHTN	621.279.423	640.512.557
- Cổ tức	175.000	175.000
- Thù lao HĐQT và BKS	251.393.222	413.530.295
- Các khoản phải trả khác	168.856.537	203.173.892
<b>Cộng</b>	<b>1.111.622.612</b>	<b>1.269.575.404</b>
b. Dài hạn	-	-
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

## 20. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối kỳ	Đầu năm
a. Ngắn hạn	-	-
b. Dài hạn	-	-
c. Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng	-	-

## 21. Trái phiếu phát hành

21.1 Trái phiếu thường	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
a. Trái phiếu phát hành						
- Loại phát hành theo mệnh giá	-	-	-	-	-	-
- Loại phát hành có chiết khấu	-	-	-	-	-	-
- Loại phát hành có phụ trợ	-	-	-	-	-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

	<b>Cộng</b>	-	-	-	-	-	-
b.	Thuyết minh chi tiết về trái phiếu các bên liên quan nắm giữ	-	-	-	-	-	-

**Cộng** - - - - -

## 21.2. Trái phiếu chuyển đổi : không phát sinh

- Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ
- Trái phiếu chuyển đổi phát hành thêm trong kỳ
- Trái phiếu chuyển đổi được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ
- Trái phiếu chuyển đổi đã đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ
- Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm cuối kỳ
- Thuyết minh chi tiết về trái phiếu các bên liên quan nắm giữ

## 22. Cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả : không phát sinh

### 23. Dự phòng phải trả

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
a. Ngắn hạn	-	-
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	-	-
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	-	-
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	-
- Dự phòng tái cơ cấu	-	-
- Dự phòng phải trả khác	-	-
<b>Cộng</b>	-	-
b. Dài hạn	-	-

### 24. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22%	22%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	8.622.091.655	8.622.091.655
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	6.967.888.910	19.382.906.153
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>3.429.795.725</b>	<b>6.161.099.518</b>
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

---

- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	22%	22%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-

(Phần tiếp theo ở trang 29)

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

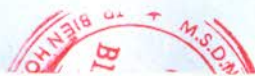
Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## 25. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	106.978.420.000	-	(408.640.209)	21.449.284.093	8.858.576.321	102.042.896.500	238.920.536.705
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	63.318.811.801	63.318.811.801
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ	-	-	-	9.647.821.770	1.839.265.679	-	11.487.087.449
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	(43.262.587.350)	(43.262.587.350)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>106.978.420.000</b>	<b>-</b>	<b>(408.640.209)</b>	<b>31.097.105.863</b>	<b>10.697.842.000</b>	<b>123.099.120.951</b>	<b>271.463.848.605</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	31.229.661.116	31.229.661.116
Tăng khác (*)	-	-	-	10.697.842.000	-	-	10.697.842.000
Trích quỹ	-	-	-	6.245.932.223	-	-	6.245.932.223
Giảm khác (*)	-	-	-	-	(10.697.842.000)	(22.678.958.958)	(33.376.800.958)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>106.978.420.000</b>	<b>-</b>	<b>(408.640.209)</b>	<b>48.040.880.086</b>	<b>-</b>	<b>131.649.823.109</b>	<b>286.260.482.986</b>

(\*) Là khoản điều chỉnh theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 12 tài khoản 2014 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 03 năm 2015 của Công ty.





# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

<b>b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Vốn góp của công ty mẹ (Tổng công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai)	57.336.610.000	57.336.610.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	49.641.810.000	49.641.810.000
<b>Cộng</b>	<b>106.978.420.000</b>	<b>106.978.420.000</b>
<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	106.978.420.000	106.978.420.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	106.978.420.000	106.978.420.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.643.542.000	21.347.084.000
<b>d. Cổ phiếu</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.697.842	10.697.842
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.697.842	10.697.842
+ Cổ phiếu phổ thông	10.697.842	10.697.842
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Cổ phiếu phổ thông	24.300	24.300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.673.542	10.673.542
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng / cổ phần

## đ. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông : cổ tức năm 2014 là 20%/mệnh giá cổ phần. Trong năm 2014, Công ty đã tạm ứng cổ tức 10% và chi trả 10% còn lại trong năm 2015. Còn cổ tức 2015 dự kiến được chia với tỷ lệ từ 20%/mệnh giá cổ phần trở lên và sẽ được công bố sau khi tổ chức đại hội cổ đông năm 2015.
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi : không có
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận : không có

## e. Các quỹ của Doanh nghiệp :

- Quỹ đầu tư phát triển : 48.040.880.086 đồng
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp : không
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu :

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

+ Cổ phiếu quỹ : (408.640.209)

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 131.649.823.109 đồng

f. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể : không phát sinh

<b>26. Chênh lệch đánh giá lại tài sản</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Lý do thay đổi giữa số đầu năm và cuối kỳ	-	-
<b>27. Chênh lệch tỷ giá</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VNĐ	-	-
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh vì các nguyên nhân khác	-	-
<b>28. Nguồn kinh phí</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-	-
- Chi dự nghiệp	-	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	-	-
<b>29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
a. Tài sản thuê ngoài		
- Từ 1 năm trở xuống	-	-
- Trên 1 năm đến 5 năm	-	-
- Trên 5 năm	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	-	-
c. Ngoại tệ các loại		
- USD	64.600,26	66.561,80
- EUR	300	949,84
d. Vàng tiền tệ	-	-
e. Nợ khó đòi đã xử lý	735.123.035	735.123.035
f. Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	-	-

(Phần tiếp theo ở trang 33)



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

	Đơn vị tính : Việt Nam đồng	
	Kỳ này	Kỳ trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>a. Doanh thu</b>		
Doanh thu bán sản phẩm Carton	271.096.967.347	234.985.424.153
Doanh thu bán sản phẩm Offsets	28.663.198.149	31.868.183.439
Doanh thu bán hàng khác	8.832.080.478	6.080.054.969
<b>Cộng</b>	<b>308.592.245.974</b>	<b>272.933.662.561</b>
<b>b. Doanh thu đối với các bên liên quan :</b>		
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	2.024.263.700	2.283.120.500
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	-	-
Chiết khấu thương mại	-	-
Hàng bán bị trả lại	22.513.564	19.345.159
<b>Cộng</b>	<b>22.513.564</b>	<b>19.345.159</b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
Chủ yếu là giá vốn thành phẩm đã bán.		
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.367.825.570	1.034.139.314
Lãi chênh lệch tỷ giá	555.415	3.505.989
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.368.380.985</b>	<b>1.037.645.303</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay ngân hàng	2.602.945.963	2.826.609.385
Lỗ chênh lệch tỷ giá	379.302.715	544.425.618
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.982.248.678</b>	<b>3.371.035.003</b>

(Phần tiếp theo ở trang 34)



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## 6. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên bán hàng	5.575.208.076	5.423.510.886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.810.848.770	6.789.761.615
Chi phí bằng tiền khác	1.697.783.052	2.160.247.475
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.083.839.898</b>	<b>14.373.519.976</b>

## 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.839.087.526	1.685.595.476
Chi phí vật liệu quản lý	44.252.280	35.596.166
Chi phí đồ dùng văn phòng	148.623.958	143.383.106
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.523.519	141.202.637
Thuế, phí, lệ phí	52.743.438	22.397.545
Chi phí dự phòng	441.094.217	49.843.843
Chi phí dịch vụ mua ngoài	274.601.735	263.698.708
Chi phí bằng tiền khác	1.430.895.781	1.478.403.079
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.315.822.454</b>	<b>3.820.120.563</b>

## 8. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu bồi hoàn	14.203.352	22.125.009
Phế liệu	57.316.307	60.527.598
Thuế TNCN của NVKD	-	47.945.222
Thu nhập khác	625.521.579	287.036.263
<b>Tổng cộng</b>	<b>697.041.238</b>	<b>417.634.092</b>

## 9. Chi phí khác

Chủ yếu là các khoản chi phí không có hóa đơn chứng từ.

(Phần tiếp theo ở trang 35)



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## VIII. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Các bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai

Công ty mẹ

Ông Lê Quốc Tuyên

Giám đốc

## IX. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

## X. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính quý 2 năm 2015 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 07 năm 2015.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 07 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC

LÝ PHÁT

NGUYỄN HOÀNG



LÊ QUỐC TUYÊN

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## **Phu lục 1: Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2015**

### **1. Phải thu khách hàng:**

	<b>Số tiền</b>
Công ty Liên Doanh Unilever Việt Nam	48.847.557.333
Công ty Frieslandcampina Việt Nam	18.588.083.304
Công ty Cổ phần Công nghiệp MASAN	12.290.343.450
Công ty TNHH Nestle Việt Nam	9.664.507.684
Chi nhánh Công ty Pepsico Việt Nam tại Tỉnh Đồng Nai	9.384.936.975
Công ty Cổ phần Uniben	5.305.018.106
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	5.147.713.812
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	5.053.085.488
Công ty Kimberly – Clark Việt Nam	5.031.965.746
Khác	<u>104.147.604.625</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>223.460.816.523</u></b>

### **2. Phải trả người bán:**

	<b>Số tiền</b>
Công ty TNHH Xưởng Giấy Chánh Dương	57.576.430.780
Công ty TNHH Hiang Seng Fibre Container	44.230.443.487
Công ty Cổ phần Giấy An Bình	26.762.116.590
Công ty TNHH Vina Kraft Paper	11.131.070.280
Khác	<u>19.562.510.509</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>159.262.571.646</u></b>